

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2025/DS-ST
Ngày: 26 - 6 - 2025
V/v Tranh chấp về đòi lại
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Phụng.
- Ông Nguyễn Văn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 218/2024/TLST-DS, ngày 24 tháng 4 năm 2024, về việc “Tranh chấp về đòi lại quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lương Thị C, sinh năm: 1945; Địa chỉ: Số B, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện hợp pháp (người đại diện theo ủy quyền) của nguyên đơn bà Lương Thị C là chị Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số A khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Theo Hợp đồng ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp chứng thực số 477, ngày 07/9/2023. Chị T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lương Thị C1, sinh năm: 1955; Địa chỉ: Số B, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Bà C1 vắng mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1966. Chị T1 vắng mặt tại phiên tòa;
- Chị Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1968. Chị L vắng mặt tại phiên tòa;
- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1971. Anh N vắng mặt tại phiên tòa;
- Chị Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1974. Chị S vắng mặt tại phiên tòa;
- Anh Nguyễn Trung N1, sinh năm 1988. Anh N1 vắng mặt tại phiên tòa;

Cùng địa chỉ: Số B, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: Quốc lộ H khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện hợp pháp (người đại diện theo pháp luật) của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện L: Bà Trương Thị D - Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L. Bà D vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Lương Thị C, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bà C là chị Lê Thị Mỹ T trình bày:

Vào năm 2013, Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò đã thụ lý vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất của bà Lương Thị C1 là nguyên đơn, bà Lương Thị C là bị đơn, đối tượng tranh chấp là thửa đất số 738b, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp do bà Lương Thị C1 đứng tên quyền sử dụng đất và hộ bà C trực tiếp quản lý sử dụng. Ngày 26/3/2014, Tòa án huyện Lấp Vò mở phiên tòa xét xử sơ thẩm và đã tuyên Bản án số 08/2014/DSST với nội dung bác đơn khởi kiện của bà C1. Sau đó, bà C1 kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã xét xử phúc thẩm và không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên với nội dung không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C1. Theo đó nội dung bản án sơ, phúc thẩm đã tuyên: Bà Lương Thị C được quyền sử dụng diện tích đất 615m² thuộc thửa 738b, tờ bản đồ số 7. Bà C tiếp tục sử dụng phần đất này liên tục cho đến nay.

Do không am hiểu pháp luật nên đến năm 2023, bà Lương Thị C mới làm đơn yêu cầu thi hành án để được đứng tên quyền sử dụng đất theo nội dung bản án đã có hiệu lực pháp luật. Cơ quan thi hành án dân sự có văn bản trả lời cho bà C xác định đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án. Vì thế nay bà Lương Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò giải quyết:

Buộc bà Lương Thị C1 trả lại quyền sử dụng đất cho bà C theo nội dung bản án đã có hiệu lực pháp luật. Cụ thể, bà C1 yêu cầu bà C trả lại quyền sử dụng thửa đất số 738b, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp diện tích tranh chấp theo đo đạc thực tế hiện nay là 562,0m² trong phạm vi các mốc M1,

M2, M3, M4, về M1 theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ký duyệt ngày 05/8/2024.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và thống nhất với nội dung trình bày cũng như giữ nguyên yêu cầu của phía nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lương Thị C1 đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải có kèm theo yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ là ý kiến của bị đơn về nội dung vụ án và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Bị đơn có gửi văn bản cho Tòa án với nội dung trình bày theo hướng không thống nhất với bản án sơ, phúc thẩm của Tòa án. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt, không tham gia phiên họp, phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu T1, chị Nguyễn Thị Thu L, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị Thu S, anh Nguyễn Trung N1, Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, bản photo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn, và các văn bản tố tụng khác. Nhưng chị T1, chị L, anh N, chị S, anh N1, không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án, cũng không có mặt tại Tòa án khi được Tòa án triệu tập họp lệ để giải quyết vụ án, cũng như tham gia phiên tòa. Riêng người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự đã chấp hành đúng theo pháp luật tố tụng, riêng các đương sự vắng mặt không lý do không chấp hành quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị C có căn cứ chấp nhận. Căn cứ Điều 91, Điều 92, Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C buộc bà Lương Thị C1 trả quyền sử dụng đất cho bà C thửa đất số 738b, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp diện tích tranh chấp theo đo đạc thực tế hiện nay là 562,0m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Lương Thị C yêu cầu bị đơn bà Lương Thị C1 trả lại quyền sử dụng đất mà nguyên đơn được xác lập theo nội dung bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân.

Từ đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là “*Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, được quy định tại các khoản 2, 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ tranh chấp dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do địa chỉ tọa lạc của phần đất tranh chấp và địa chỉ cư trú của bị đơn đều tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Lương Thị C là chị Lê Thị Mỹ T và người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện L vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn bà Lương Thị C1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu T1, chị Nguyễn Thị Thu L, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị Thu S, anh Nguyễn Trung N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại các điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1.] Quyền sử dụng đất mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại là thửa đất số 738b, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, diện tích được cấp giấy chứng nhận là 615m² do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho bà Lương Thị C1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 047701 ngày 15/5/2001. Nội dung này đã được ghi nhận trong bản án đã có hiệu lực pháp luật nên được xem là tình tiết không phải chứng minh.

Khi giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất đối với thửa 738b, tờ bản đồ số 7 trước đây, Tòa án đã xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp bằng biện pháp đo đạc thủ công và sử dụng diện tích được cấp quyền sử dụng ghi trên Giấy chứng nhận để xác định diện tích đất tranh chấp.

Khi thụ lý giải quyết vụ án này, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ bằng biện pháp đo đạc thực tế diện tích thửa đất tranh chấp. Trên cơ sở đo đạc ngoài thực địa, được sự thống nhất xác định ranh giới mốc giới giữa các chủ sử dụng đất liền kề và các đương sự có mặt, xác định diện tích thực tế của thửa đất số 738b, tờ bản đồ số 7 hiện đang tranh chấp là 562,0m² trong phạm vi các mốc M1,

M2, M3, M4, về M1 theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ký duyệt ngày 05/8/2024.

Việc xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc thực tế, các mốc giới do nguyên đơn, cũng là người trực tiếp sử dụng đất xác định. Các đương sự có mặt tại buổi thẩm định đều thống nhất với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc thực tế. Phía bị đơn dù đã được thông báo vẫn không có ý kiến vì vậy xác định diện tích đất tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế hiện nay là phù hợp.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Lương Thị C

Theo nội dung Bản án sơ thẩm số 08/2014/DSST, ngày 26/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp và Bản án phúc thẩm số 136/2014/DS-PT, ngày 05/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đều tuyên xử cho bà Lương Thị C được sử dụng thửa đất số 738b, tờ bản đồ số 7, nay là phần đất tranh chấp. Các bản án đều đã có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Lương Thị C1 có gửi bản chính Đơn đề nghị xem xét theo thủ tục tái thẩm đề ngày 25/7/2024 cho Tòa án, tuy nhiên khi được yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ để xác định Cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận, xử lý, cũng như kết quả xử lý đơn này thì bà C1 không cung cấp.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 Bộ luật tố tụng dân sự quy định:

“1. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được thi hành và phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải nghiêm chỉnh chấp hành.”

Vì thế, xác định bà Lương Thị C đã được quyền sử dụng thửa đất số 738b, tờ bản đồ số 7 kể từ ngày Bản án phúc thẩm số 136/2014/DS-PT, ngày 05/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp có hiệu lực là phù hợp quy định pháp luật. Dù bà C đang trực tiếp quản lý, sử dụng, khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất, nhưng bà C chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Theo Công văn số 4418/CNVPĐ KĐĐHLV-ĐKCG, ngày 21/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác định hiện nay thửa đất này vẫn do bà Lương Thị C1 đứng tên trên giấy chứng nhận. Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò đã cung cấp thông tin xác định không có tổ chức thi hành Bản án phúc thẩm số 136/2014/DS-PT, ngày 05/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và tính đến nay đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị C, để buộc bị đơn bà C1 trả lại quyền sử dụng đất thửa 178b, tờ bản đồ số 7 cho bà C là phù hợp với quy định về quyền của người sử dụng đất trong đó có quyền được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Tòa án đã thông báo đầy đủ nội dung của vụ án, diễn biến quá trình tố tụng và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Nhưng bị đơn là bà Lương Thị C1 không cung cấp tài liệu chứng cứ và cũng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại các điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Mọi hậu quả pháp lý từ việc vắng mặt, không thực hiện quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình, bị đơn phải tự chịu.

[4] Lời phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Gồm chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá đã chi là 3.671.000 đồng (Ba triệu, sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng) do phía nguyên đơn bà Lương Thị C nộp tạm ứng và chi xong. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn bà Lương Thị C phải chịu chi phí tố tụng nên bà C1 có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại các điều 157, 158, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và bị đơn bà Lương Thị C không có đơn yêu cầu miễn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 19, các điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 157, 158, 165, 166, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 166, Điều 168, Điều 189 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 28 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị C.

Buộc bị đơn bà Lương Thị C1 trả lại cho nguyên đơn bà Lương Thị C được quyền sử dụng thửa đất số 738b, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, với diện tích theo như đo đạc thực tế là 562,0m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, về M1 theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ký duyệt ngày 05/8/2024.

(Hiện thửa đất do nguyên đơn bà Lương Thị C trực tiếp quản lý, sử dụng, bị đơn Lương Thị C1 đứng tên quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 047701 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 15/5/2001; Số đo diện tích và các điểm mốc được thể hiện theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò và Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L ký duyệt ngày 05/8/2024 kèm theo).

3. Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền thu hồi quyền sử dụng đối với thửa đất số 738b, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp được Ủy ban nhân dân huyện L cấp quyền sử dụng bà Lương Thị C1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 047701 cấp ngày 15/5/2001 để cấp lại cho bà Lương Thị C.

Bà Lương Thị C được quyền đến cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký biến động để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng:

Bà Lương Thị C không phải chịu chi phí tố tụng.

Bà Lương Thị C1 phải chịu chi phí tố tụng. Do bà C đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng và đã chi xong nên buộc bà Lương Thị C1 có nghĩa vụ trả cho bà Lương Thị C tiền chi phí tố tụng là 3.671.000 đồng (Ba triệu, sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lương Thị C1 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Bà Lương Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyết định chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;

- CC.THADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hà Thị Mỹ Xuân